



Shinhan  
Securities

# MORNING CALL

27/11/2025

## “Khối ngoại gom hàng từ cá nhân”

**Cổ phiếu Mỹ tăng giá phiên thứ 4 liên tiếp** Chỉ số S&P 500 tăng 0.8%, Nasdaq tăng 0.9% và Dow Jones cộng thêm 0.8%, nối dài đà tăng sang phiên thứ tư liên tiếp trong ngày thứ Tư khi thị trường bước vào tuần lễ Tạ ơn. Động lực tăng trưởng đến từ việc thị trường điều chỉnh mạnh kỳ vọng về chính sách của Fed, qua đó đẩy xác suất cắt giảm lãi suất 25 điểm cơ bản trong tháng 12 lên trên 80%. Bên cạnh đó, các báo cáo cho biết Nhà Trắng đã thu hẹp phạm vi tìm kiếm tân Chủ tịch Fed, với ứng viên sáng giá là Giám đốc Hội đồng Kinh tế Quốc gia Kevin Hassett. Đây là lựa chọn được giới đầu tư đánh giá là phù hợp với mong muốn hạ lãi suất của Tổng thống Trump, điều này càng củng cố kỳ vọng về chính sách tiền tệ nới lỏng hơn và góp phần thúc đẩy dòng tiền luân chuyển mạnh vào nhóm cổ phiếu công nghệ vốn hóa lớn

**Quay về vùng sideways 1,600-1,700.** VNINDEX đóng cửa ở mức 1,680.36 (+20 điểm, +1.20%) với thanh khoản ở quanh mức trung bình 20 phiên gần nhất. Thị trường có 79 mã tăng và 243 mã giảm. Nhóm cổ phiếu đóng góp lớn nhất vào đà tăng của chỉ số là VPL, VIC và VPB; nhóm cổ phiếu cản trở thị trường là VJC, VHM và FPT. Khối ngoại mua ròng với giá trị 622 tỷ đồng. SHB và VPB được mua ròng nhiều nhất.

**Chiến lược giao dịch:** Nhà đầu tư theo trường phái trading có thể quan sát phản ứng thị trường quanh vùng 1,650-1,700, nếu những phiên điều chỉnh không làm chỉ số rút khỏi kênh sideways thì đây có thể là cơ hội tốt để nhà đầu tư theo trường phái này giải ngân trở lại. Nhà đầu tư theo trường phái đầu tư trung và dài hạn có thể bắt đầu giải ngân từng phần tại các nhóm cổ phiếu có kết quả kinh doanh tốt và chiết khấu đủ hấp dẫn như nhóm ngành ngân hàng, tài chính, vật liệu xây dựng...

Nguyễn Phương ☎ (84-28) 6299 8004  
✉ [Phuong.nd@shinhan.com](mailto:Phuong.nd@shinhan.com)

Hoàng Nam ☎ (84-28) 6299 7603  
✉ [nam.h@shinhan.com](mailto:nam.h@shinhan.com)

Theo dõi Zalo của SSV để  
cập nhật báo cáo mới nhất



Quét mã QR hoặc click để theo dõi

## Cổ phiếu Mỹ tăng giá phiên thứ 4 liên tiếp

- Chỉ số S&P 500 tăng 0.8%, Nasdaq tăng 0.9% và Dow Jones cộng thêm 0.8%, nối dài đà tăng sang phiên thứ tư liên tiếp trong ngày thứ Tư khi thị trường bước vào tuần lễ Tạ ơn. Động lực tăng trưởng đến từ việc thị trường điều chỉnh mạnh kỳ vọng về chính sách của Fed, qua đó đẩy xác suất cắt giảm lãi suất 25 điểm cơ bản trong tháng 12 lên trên 80%. Bên cạnh đó, các báo cáo cho biết Nhà Trắng đã thu hẹp phạm vi tìm kiếm tân Chủ tịch Fed, với ứng viên sáng giá là Giám đốc Hội đồng Kinh tế Quốc gia Kevin Hassett. Đây là lựa chọn được giới đầu tư đánh giá là phù hợp với mong muốn hạ lãi suất của Tổng thống Trump, điều này càng củng cố kỳ vọng về chính sách tiền tệ nới lỏng hơn và góp phần thúc đẩy dòng tiền luân chuyển mạnh vào nhóm cổ phiếu công nghệ vốn hóa lớn
- Thị trường chứng khoán châu Âu đóng cửa tăng mạnh vào thứ Tư, cùng với một phiên giao dịch mạnh mẽ khác của cổ phiếu trên khắp các nền kinh tế lớn, giữa bối cảnh kỳ vọng về một đợt cắt giảm lãi suất nữa của Cục Dự trữ Liên bang trong năm nay và khả năng đạt được thỏa thuận ngừng bắn giữa Ukraine và Nga. Ngành công nghệ đóng cửa với mức tăng mạnh khi ASML và Infineon tăng 5.7% và 3.6%, bất chấp sự bất ổn dai dẳng đối với lĩnh vực AI tại Mỹ khi những dấu hiệu mạnh mẽ cho thấy các đơn vị xử lý tensor do Alphabet sản xuất có thể tiếp nhận khách hàng Nvidia đã hạn chế triển vọng của cơ sở hạ tầng trung tâm dữ liệu.
- Chỉ số Nikkei 225 tăng 1.85% lên 49,559 điểm, trong khi chỉ số Topix tăng 1.96% lên 3,356 điểm vào thứ Tư, đảo ngược đà giảm của phiên trước và theo sát đà tăng của Phố Wall khi các nhà giao dịch tăng cường đặt cược vào khả năng Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) sẽ cắt giảm lãi suất vào tháng tới. Kỳ vọng về việc cắt giảm lãi suất được củng cố sau khi dữ liệu mới nhất của Mỹ cho thấy chi tiêu tiêu dùng đang giảm tốc, trong khi các báo cáo cho thấy một ứng cử viên ôn hòa đang được xem xét cho vị trí Chủ tịch Fed tiếp theo.
- Giá dầu thô tương lai của Mỹ gần như không thay đổi, quanh mức 58 USD/thùng vào thứ Tư, dao động gần mức thấp nhất trong một tháng, do kỳ vọng nguồn cung tăng đã gây áp lực lên giá. Sự lạc quan ngày càng tăng về một thỏa thuận hòa bình tiềm năng giữa Ukraine và Nga, vốn có thể nới lỏng các hạn chế đối với dầu mỏ của Nga, càng làm tăng thêm áp lực giảm giá.

| Chỉ số chứng khoán |              |        |        |        |
|--------------------|--------------|--------|--------|--------|
|                    | Giá đóng cửa | %1D    | %1M    | %1Y    |
| VN-Index           | 1,680        | 1.20%  | 1.68%  | 35.30% |
| S&P 500 Index      | 6,813        | 0.69%  | 0.31%  | 13.14% |
| Dow Jones Index    | 47,427       | 0.67%  | 0.47%  | 5.72%  |
| GP 100             | 9,692        | 0.85%  | 0.39%  | 17.12% |
| Nikkei 225         | 50,259       | 1.41%  | -0.50% | 31.79% |
| SHCOMP Index       | 3,864        | -0.15% | -2.18% | 18.54% |
| STOXX 600          | 574          | 1.09%  | -0.49% | 13.71% |
| KOSPI Index        | 4,013        | 1.32%  | -0.73% | 60.34% |
| Hang Seng          | 25,928       | 0.13%  | -0.89% | 35.33% |

| Hàng hóa    |              |        |        |         |
|-------------|--------------|--------|--------|---------|
|             | Giá đóng cửa | %1D    | %1M    | %1Y     |
| Brent       | 63           | 1.04%  | -4.26% | -13.29% |
| WTI         | 59           | -0.26% | -4.58% | -14.87% |
| Gasoline    | 189          | 1.71%  | -1.75% | -5.16%  |
| Natural gas | 5            | 1.23%  | 34.05% | 44.01%  |
| Coal        | 111          | 0.00%  | 6.77%  | -21.17% |
| Gold        | 4,164        | 0.04%  | 4.57%  | 57.97%  |
| China HRC   | 3,305        | -0.03% | -0.18% | -6.40%  |
| Steel rebar | 3,008        | 0.37%  | -0.07% | -8.54%  |
| BDI index   | 2,309        | 0.61%  | 15.97% | 46.05%  |

| Tiền tệ      |              |        |        |        |
|--------------|--------------|--------|--------|--------|
|              | Giá đóng cửa | %1D    | %1M    | %1Y    |
| Dollar Index | 100          | -0.07% | 0.65%  | -6.93% |
| USD/VND      | 26,372       | 0.01%  | -0.27% | -3.74% |
| EUR/USD      | 1            | 0.09%  | -0.34% | 9.83%  |
| USD/JPY      | 156          | 0.33%  | -1.97% | -3.12% |
| USD/CNY      | 7            | 0.12%  | 0.46%  | 2.46%  |
| USD/GBP      | 1            | -0.07% | 0.64%  | -4.31% |
| USD/KRW      | 1,465        | 0.24%  | -2.22% | -5.04% |
| USD/AUD      | 2            | -0.14% | 0.45%  | -0.45% |
| USD/CAD      | 1            | 0.06%  | -0.33% | -0.04% |

Nguồn: Bloomberg. Shinhan Securities Vietnam

## Đà tăng lan tỏa, đồng thuận giữa các nhóm ngành

### Các chỉ số chính

|           | Đóng cửa | PE    | Tăng giảm | %1D  | KLGD (triệu đơn vị) | CTGD (tỷ VND) |
|-----------|----------|-------|-----------|------|---------------------|---------------|
| VNI INDEX | 1,680.36 | 16.29 | 20.00     | 1.20 | 682                 | 19,803        |
| HNX INDEX | 261.91   | 22.91 | 4.61      | 1.79 | 55                  | 1,200         |

### Biến động các nhóm ngành

### Thay đổi thanh khoản giữa các nhóm ngành (tỷ VND)

| Nhóm ngành                    | %1D  | %1M  | %YTD  | %1 YR. | PER  | PBR  | Vốn hóa (tỷ đồng) |  | Ngành                         | %1D   | 11/26/2025 | 11/25/2025 | TB 20 phiên |
|-------------------------------|------|------|-------|--------|------|------|-------------------|--|-------------------------------|-------|------------|------------|-------------|
| Bán lẻ                        | 2.0  | -1.9 | 24.1  | 1.3    | 33.4 | 4.3  | 161,393.8         |  | Y tế                          | 83.43 | 71         | 39         | 50          |
| Bảo hiểm                      | 0.4  | 0.5  | 1.3   | 15.2   | 15.6 | 1.6  | 51,841.2          |  | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp    | 26.67 | 2,138      | 1,688      | 1,304       |
| Bất động sản                  | 0.8  | 13.4 | 164.1 | 159.1  | 36.4 | 3.0  | 1,868,136.7       |  | Công nghệ Thông tin           | 25.27 | 598        | 478        | 799         |
| Công nghệ Thông tin           | -0.6 | -4.9 | -23.7 | -14.6  | 21.5 | 4.5  | 185,131.1         |  | Bán lẻ                        | 13.71 | 563        | 495        | 629         |
| Dầu khí                       | 1.6  | -2.3 | 121.4 | 115.7  | 38.7 | 1.7  | 136,160.4         |  | Ngân hàng                     | 5.80  | 5,030      | 4,754      | 4,528       |
| Dịch vụ tài chính             | 3.4  | -5.1 | 28.9  | 29.2   | 23.4 | 1.8  | 254,579.1         |  | Xây dựng và Vật liệu          | 2.05  | 1,030      | 1,009      | 1,067       |
| Điện, nước & xăng dầu khí đốt | 1.3  | 0.1  | -2.0  | -2.7   | 18.5 | 1.9  | 287,964.6         |  | Điện, nước & xăng dầu khí đốt | -11.1 | 212        | 238        | 219         |
| Du lịch và Giải trí           | -2.4 | 1.8  | 63.1  | 66.6   | 21.4 | 16.1 | 211,908.0         |  | Bất động sản                  | -12.5 | 3,549      | 4,056      | 3,551       |
| Hàng & Dịch vụ Công nghiệp    | 3.5  | 2.1  | 52.0  | 56.9   | 20.6 | 2.6  | 264,586.0         |  | Ô tô và phụ tùng              | -12.7 | 41         | 47         | 52          |
| Hàng cá nhân & Gia dụng       | 0.2  | -4.1 | -10.2 | -7.4   | 12.5 | 1.7  | 56,873.7          |  | Dịch vụ tài chính             | -13.0 | 3,743      | 4,304      | 3,200       |
| Hóa chất                      | 1.4  | -3.4 | -8.6  | -8.8   | 18.1 | 1.9  | 211,385.5         |  | Tài nguyên Cơ bản             | -22.4 | 662        | 853        | 1,011       |
| Ngân hàng                     | 1.1  | -1.6 | 20.6  | 24.6   | 10.7 | 1.8  | 2,540,787.4       |  | Hàng cá nhân & Gia dụng       | -28.8 | 100        | 140        | 116         |
| Ô tô và phụ tùng              | 1.5  | -3.9 | 20.3  | 23.3   | 22.2 | 1.4  | 17,565.9          |  | Du lịch và Giải trí           | -31.1 | 500        | 725        | 443         |
| Tài nguyên Cơ bản             | 0.8  | 1.3  | 15.6  | 19.4   | 17.5 | 1.6  | 252,061.8         |  | Bảo hiểm                      | -41.3 | 24         | 41         | 46          |
| Thực phẩm và đồ uống          | 1.2  | 2.5  | 5.6   | 5.2    | 19.2 | 2.6  | 446,382.5         |  | Truyền thông                  | -41.8 | 7          | 13         | 13          |
| Truyền thông                  | 0.9  | -3.3 | -5.5  | 40.4   | 18.1 | 1.4  | 2,779.1           |  | Dầu khí                       | -43.1 | 204        | 359        | 429         |
| Xây dựng và Vật liệu          | 2.1  | -1.7 | 21.2  | 28.5   | 21.0 | 1.7  | 152,172.6         |  | Thực phẩm và đồ uống          | -47.2 | 1,022      | 1,936      | 1,393       |
| Y tế                          | 0.7  | -2.8 | -3.7  | 3.3    | 17.9 | 2.2  | 38,879.0          |  | Hóa chất                      | -49.0 | 306        | 599        | 598         |



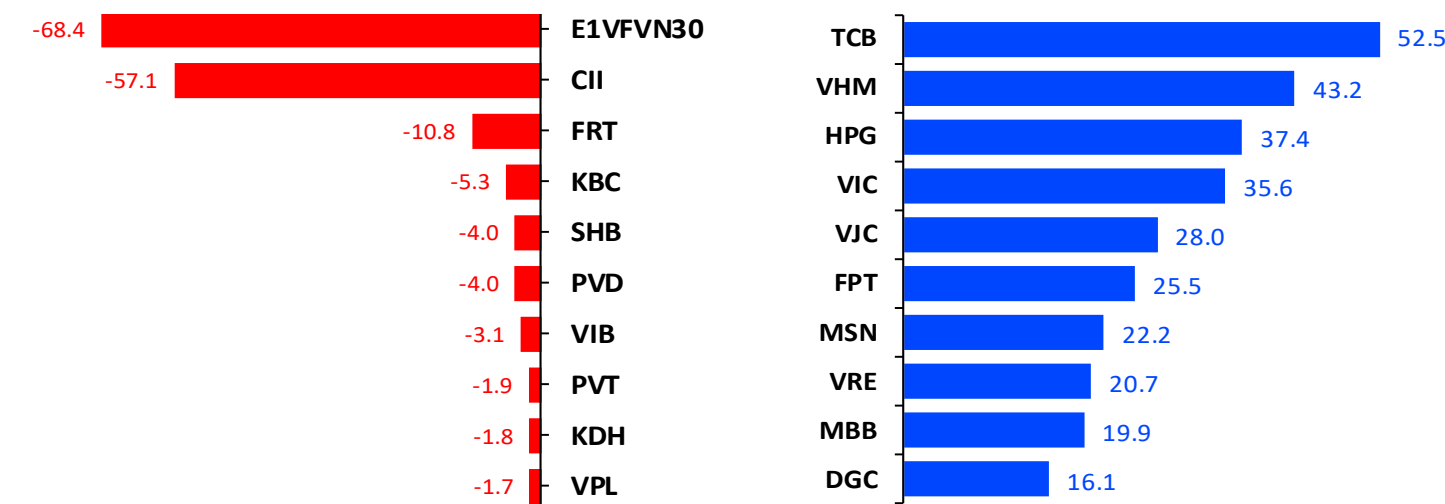
## Khối ngoại quay lại mua ròng

### Giá trị giao dịch theo loại nhà đầu tư (tỷ VND)

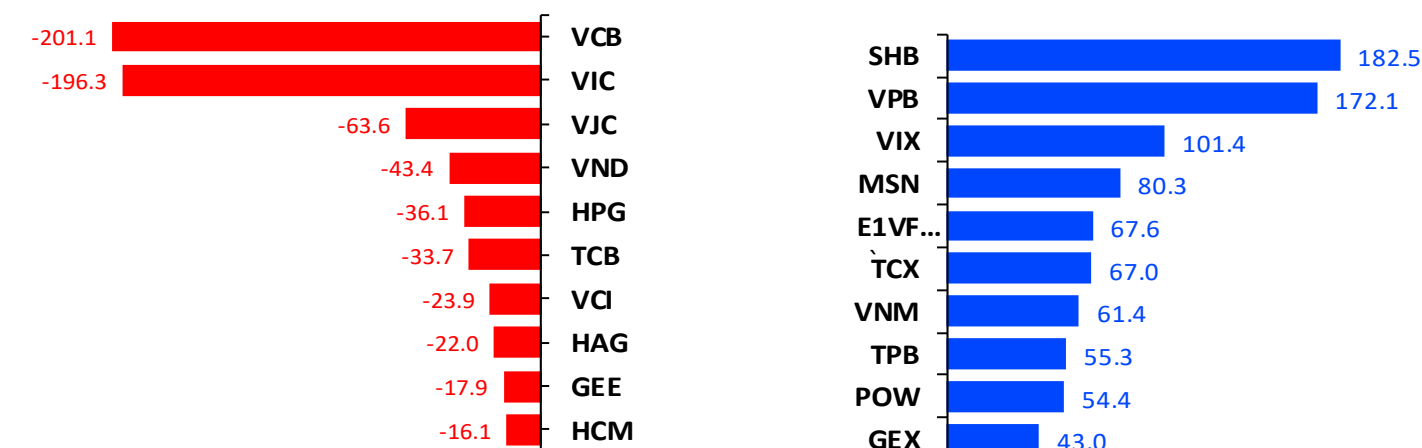
| Ngành                         | Tự doanh (tỷ VND) | Nước ngoài (tỷ VND) | Cá nhân trong nước (tỷ VND) | Tổ chức trong nước (tỷ VND) |
|-------------------------------|-------------------|---------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Bất động sản                  | 93                | (67)                | (41)                        | 109                         |
| Tài nguyên Cơ bản             | 37                | (32)                | (71)                        | 103                         |
| Truyền thông                  | -                 | 0                   | (2)                         | 2                           |
| Hàng & Dịch vụ Công nghiệp    | 3                 | 55                  | 37                          | (92)                        |
| Y tế                          | -                 | 1                   | 3                           | (4)                         |
| Hóa chất                      | 17                | (15)                | (15)                        | 30                          |
| Dịch vụ tài chính             | (63)              | 131                 | (311)                       | 181                         |
| Du lịch và Giải trí           | 28                | (65)                | (124)                       | 189                         |
| Ngân hàng                     | 137               | 212                 | (204)                       | (8)                         |
| Xây dựng và Vật liệu          | (58)              | 69                  | (31)                        | (38)                        |
| Thực phẩm và đồ uống          | 39                | 120                 | (44)                        | (76)                        |
| Bán lẻ                        | (4)               | 31                  | (47)                        | 15                          |
| Điện, nước & xăng dầu khí đốt | 2                 | 63                  | (50)                        | (12)                        |
| Hàng cá nhân & Gia dụng       | 0                 | (0)                 | (3)                         | 3                           |
| Công nghệ Thông tin           | 26                | (7)                 | 6                           | 1                           |
| Ô tô và phụ tùng              | -                 | 4                   | 3                           | (8)                         |
| Bảo hiểm                      | -                 | (1)                 | (2)                         | 3                           |
| Dầu khí                       | (3)               | 33                  | 214                         | (248)                       |
| <b>Tổng cộng</b>              | <b>254</b>        | <b>531</b>          | <b>(680)</b>                | <b>149</b>                  |

Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam, Dữ liệu được lấy trong phiên T-1

### Top mua bán ròng của tự doanh CTCK (tỷ VND)



### Top mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)



## VIC: Vingroup kiến nghị bỏ đề xuất TOD khỏi dự án đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam

Trao đổi với Báo Lao Động, CEO Vingroup cho biết đã kiến nghị Bộ Xây dựng bỏ đề xuất TOD với dự án đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam. Doanh nghiệp này sẵn sàng nếu chuyển dự án từ đầu tư công sang đầu tư tư nhân trực tiếp. Theo Bộ Xây dựng, hiện nay dự án vẫn đang triển khai đầu tư theo hình thức đầu tư công, chưa chuyển đổi hình thức đầu tư từ đầu tư công sang đầu tư kinh doanh hoặc đầu tư theo phương thức đối tác công tư, hoặc đầu tư theo hình thức hỗn hợp nên cần ban hành các cơ chế, chính sách đặc thù, đặc biệt áp dụng cho dự án để đầu tư theo một trong các hình thức đầu tư: Đầu tư công, đầu tư PPP, đầu tư tư nhân và đầu tư hỗn hợp. Theo đó, nhà nước cho vay 80% không lãi suất trong 30 năm, chúng tôi tự thu xếp 20%. Hiện nay chúng tôi cũng vẫn chỉ đăng ký phương án này. Còn nếu làm PPP, chúng tôi không thể tự huy động được 80% còn lại” - ông Nguyễn Việt Quang chia sẻ.

## BaF Việt Nam (BAF) sắp phát hành 1,000 tỷ đồng trái phiếu “3 không”

BaF Việt Nam sẽ thực hiện chào bán 1,000 tỷ đồng trái phiếu ra công chúng, mệnh giá trái phiếu 100 triệu đồng/trái phiếu, đây là trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền và đặc biệt không có tài sản bảo đảm. Số tiền huy động, Công ty dự kiến dùng 670 tỷ đồng bổ sung nguồn vốn phục vụ hoạt động kinh doanh, sản xuất chăn nuôi heo, thời gian giải ngân từ quý I đến quý II/2026; và còn lại 330 tỷ đồng thanh toán tiền nợ gốc các hợp đồng vay, thời gian trả nợ trong quý I/2026 (kế hoạch ban đầu giải ngân từ quý I đến quý II/2026). Lãi trái phiếu cố định 10%/năm, kỳ tính lãi 6 tháng.

## SSI chào bán hơn 415 triệu cổ phiếu với giá 15,000 đồng/CP

Theo đó, SSI sẽ chào bán gần 415.2 triệu cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 5:1, tức cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu sẽ được hưởng 1 quyền, cứ 5 quyền sẽ được mua 1 cổ phiếu mới phát hành, với giá bán 15,000 đồng/CP. Tổng số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán là 6,227.7 tỷ đồng, SSI dự kiến dùng 3,114 tỷ đồng bổ sung vốn cho hoạt động đầu tư chứng chỉ tiền gửi; còn hơn 3,113.7 tỷ đồng để sung vốn cho hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ. Thời gian thực hiện chuyển nhượng quyền mua từ ngày 17/12/2025 đến ngày 30/12/2025, thời gian nhận đăng ký mua từ ngày 17/12/2025 đến ngày 08/01/2026. Về hoạt động kinh doanh, 9 tháng đầu năm, SSI ghi nhận doanh thu hoạt động đạt 9.329 tỷ đồng, tăng 48% so với cùng kỳ 2024; lợi nhuận trước thuế đạt 4.080 tỷ đồng, tăng 37% so với cùng kỳ năm ngoái.

## Xu hướng: Quay về vùng sideway 1,600–1,700

VNINDEX đóng cửa ở mức 1,680.36 (+20 điểm, +1.20%) với thanh khoản ở quanh mức trung bình 20 phiên gần nhất. Thị trường có 79 mã tăng và 243 mã giảm. Nhóm cổ phiếu đóng góp lớn nhất vào đà tăng của chỉ số là VPL, VIC và VPB; nhóm cổ phiếu cản trở thị trường là VJC, VHM và FPT. Khối ngoại mua ròng với giá trị 622 tỷ đồng. SHB và VPB được mua ròng nhiều nhất.

### Kỹ thuật:

VN-Index ghi nhận nhịp phục hồi tích cực với biên độ giao dịch và thanh khoản ở mức trung bình, trong bối cảnh độ rộng thị trường cải thiện sau phiên điều chỉnh trước đó. Khối ngoại quay trở lại mua ròng, với hoạt động tập trung chủ yếu vào cuối phiên giao dịch. Như đã đề cập trong các báo cáo trước, VN-Index vẫn chưa phá vỡ cấu trúc đi ngang và chúng tôi duy trì kỳ vọng chỉ số sẽ quay lại kiểm định vùng kháng cự phía trên tại 1.700–1.750 điểm.

Chỉ số kết phiên trên các đường trung bình động MA20, MA50 và MA200, trong khi RSI duy trì quanh mức trung tính (khoảng 50), cho thấy động lượng ngắn hạn vẫn đang ở trạng thái cân bằng. Để xu hướng tăng trở nên bền vững hơn, chúng tôi kỳ vọng đà tăng kết hợp với cải thiện breadth, đi kèm với sự cải thiện dần của thanh khoản trong các phiên tới.

**Ở trường hợp cơ sở:** Thị trường đang cho thấy dấu hiệu cân bằng vùng 1,600 điểm, với thanh khoản suy giảm mạnh toàn thị trường và dòng tiền tổ chức bắt đầu lan tỏa sang các nhóm ngành có triển vọng tăng trưởng tốt. Chúng tôi cho rằng VN-Index giao dịch trong xu hướng sideway (1600–1700) trong phần còn lại năm 2025, dòng tiền kỳ vọng sẽ mạnh mẽ hơn sau khi Đại hội Đảng đầu 2026.

**Ở trường hợp tiêu cực:** Đà giảm tiếp tục gia tăng với khối lượng giao dịch lớn dần theo chiều giảm, không xuất hiện lực bắt đáy quanh ngưỡng 1,550–1,580 điểm. Thị trường khi đó có thể tiếp tục hướng tới vùng hỗ trợ 1,500 và các vùng giá thấp hơn để kiểm định.

**Chiến lược:** Nhà đầu tư theo trường phái trading có thể quan sát phản ứng thị trường quanh vùng 1,650–1,700, nếu những phiên điều chỉnh không làm chỉ số rút khỏi kênh sideway thì đây có thể là cơ hội tốt để nhà đầu tư theo trường phái này giải ngân trở lại. Nhà đầu tư theo trường phái đầu tư trung và dài hạn có thể bắt đầu giải ngân từng phần tại các nhóm cổ phiếu có kết quả kinh doanh tốt và chiết khấu đủ hấp dẫn như nhóm ngành ngân hàng, tài chính, vật liệu xây dựng...



### Kịch bản:

- Tích cực: Thị trường quay lại vùng 1,750 điểm
- Cơ sở: Thị trường tiếp tục giao dịch trong vùng 1,600 – 1,700
- Kém tích cực: Thị trường tiếp tục giảm sâu hơn 1,500 điểm

26/11/2025 3:00 PM

23.4

## Khuyến nghị mua/bán mới trong ngày

|  | Khuyến nghị | Vùng mua/bán | Target | Cut loss | Upside | Downside | Giá hiện tại | Tín hiệu | Ghi chú |
|--|-------------|--------------|--------|----------|--------|----------|--------------|----------|---------|
|  |             |              |        |          |        |          |              |          |         |

## Danh mục đang nắm giữ ngắn hạn

| Cổ phiếu | Khuyến nghị | Giá mua | Giá mục tiêu | Stop loss | Upside | Downside | Giá hiện tại/Giá đóng lệnh | T+ | Lãi/Lỗ | Ngày       | Ghi chú |
|----------|-------------|---------|--------------|-----------|--------|----------|----------------------------|----|--------|------------|---------|
| TV2      | Giữ         | 35.7    | 41.2         | 35.7      | 15%    | 0%       | 37.1                       | 9  | 3.9%   | 11/13/2025 |         |
| NT2      | Giữ         | 23.4    | 25.8         | 22.9      | 10%    | -2%      | 23.6                       | 9  | 0.9%   | 11/13/2025 |         |

Lưu ý: Bản báo cáo này là tài liệu tham khảo cho đầu tư dựa trên các dữ liệu trong quá khứ, vì thế những biến động giá cổ phiếu trong tương lai có thể khác với các xu hướng đã được hình thành. Các dữ liệu này phản ánh chính xác quan điểm của người phụ trách nghiên cứu và phân tích về chứng khoán của doanh nghiệp, nhưng các quan điểm và những ước tính này có thể có sai sót. Vì vậy, việc lựa chọn cổ phiếu và đưa ra quyết định đầu tư cuối cùng nên phụ thuộc vào chính mỗi nhà đầu tư. Xin vui lòng xem thêm chi tiết phần Thông báo tuân thủ và Miễn trừ trách nhiệm ở cuối báo cáo này.

## Danh sách theo dõi

| STT | Cổ phiếu | Giá hiện tại | Giá mục tiêu | Vùng mua tiềm năng | Lợi nhuận kỳ vọng (tính từ giá hiện tại) | Ghi chú                                                                                                                                              |
|-----|----------|--------------|--------------|--------------------|------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | ACB      | 24.2         | 27           | 24                 | 11.6%                                    | ACB giảm ít hơn thị trường chung trước thông tin về TPDN, cũng như sự ổn định trong HDKD của ngân hàng, phù hợp cho nhà đầu tư nắm giữ trung dài hạn |
| 2   | KDH      | 35.4         | 38.9         | 33.3               | 9.9%                                     | KQKD tăng trưởng mạnh mẽ trong Q3 2025. Dòng tiền tham gia mạnh mẽ có động lượng mạnh hơn thị trường chung                                           |
| 3   | PDR      | 22.6         | 25.6         | 22.7               | 13.3%                                    | Kì vọng KQKD tăng trưởng mạnh mẽ trong 2025. PDR sau giai đoạn tích lũy có dấu hiệu tham gia của dòng tiền lớn                                       |
| 4   | FPT      | 99           | 112          | 96                 | 13.1%                                    | Khối ngoại tham gia mua ròng mạnh, cổ phiếu đã chiết khấu sâu và tích lũy chặt từ đầu năm                                                            |
| 5   | SIP      | 57.7         | 66.7         | 58                 | 15.6%                                    | Dòng tiền đổ vào KCN, và có sức mạnh động lượng tốt hơn thị trường chung                                                                             |



# Danh mục cổ phiếu trading



Đơn vị: nghìn đồng

| Lịch sử khuyến nghị |         |              |            |        |          |               |    |                  |                  |                |                   |  |
|---------------------|---------|--------------|------------|--------|----------|---------------|----|------------------|------------------|----------------|-------------------|--|
| Cổ phiếu            | Giá mua | Giá mục tiêu | Giá cắt lỗ | Upside | Downside | Giá đóng lệnh | T+ | Lãi/Lỗ thực hiện | Ngày khuyến nghị | Ngày đóng lệnh | Biến động VNINDEX |  |
| REE                 | 64.5    | 68.9         | 64.5       | 7%     | 0%       | 68.9          | 6  | 6.82%            | 4/16/2025        | 4/24/2025      | 1.1%              |  |
| VCI                 | 37.05   | 39.9         | 35.4       | 8%     | -4%      | 36.9          | 14 | -0.54%           | 4/18/2025        | 5/8/2025       | 3.0%              |  |
| IMP                 | 44.4    | 49.9         | 44.4       | 12%    | 0%       | 49.9          | 2  | 12.39%           | 5/8/2025         | 5/12/2025      | 1.1%              |  |
| VCI                 | 36.8    | 39.6         | 35.8       | 8%     | -3%      | 37.3          | 3  | 1.36%            | 5/14/2025        | 5/19/2025      | -1.0%             |  |
| HDB                 | 21.1    | 22.6         | 21.1       | 7%     | 0%       | 22.6          | 17 | 7.11%            | 4/28/2025        | 5/21/2025      | 7.8%              |  |
| PDR                 | 16.8    | 18.15        | 16.11      | 8%     | -4%      | 16.1          | 6  | -4.11%           | 5/15/2025        | 5/25/2025      | 0.1%              |  |
| CTI                 | 20.05   | 21.6         | 20.05      | 8%     | 0%       | 20.1          | 13 | 0.00%            | 5/7/2025         | 5/26/2025      | 6.6%              |  |
| MWG                 | 64.5    | 69           | 62         | 7%     | -4%      | 62.0          | 4  | -3.88%           | 5/27/2025        | 6/2/2025       | -0.3%             |  |
| HDB                 | 22.25   | 23.85        | 21.6       | 7%     | -3%      | 21.6          | 2  | -2.92%           | 5/29/2025        | 6/2/2025       | -0.4%             |  |
| KDH                 | 29.45   | 32.56        | 29.45      | 11%    | 0%       | 29.5          | 9  | 0.00%            | 5/29/2025        | 6/11/2025      | -1.6%             |  |
| MBB                 | 24.65   | 25.9         | 24         | 5%     | -3%      | 24.7          | 7  | 0.20%            | 6/3/2025         | 6/12/2025      | -1.1%             |  |
| BVH                 | 50.6    | 54.5         | 50.6       | 8%     | 0%       | 54.9          | 23 | 8.50%            | 6/3/2025         | 7/4/2025       | 3.0%              |  |
| HPG                 | 21.9    | 23.9         | 21         | 9%     | -4%      | 23.3          | 18 | 6.16%            | 6/10/2025        | 7/4/2025       | 5.4%              |  |
| HDB                 | 21.6    | 23.3         | 21.6       | 8%     | 0%       | 23.3          | 16 | 7.87%            | 6/13/2025        | 7/7/2025       | 6.6%              |  |
| MWG                 | 64.5    | 70.7         | 64.5       | 10%    | 0%       | 70.7          | 9  | 9.61%            | 7/2/2025         | 7/15/2025      | 5.5%              |  |
| HAH                 | 69.8    | 77.5         | 66.4       | 11%    | -5%      | 67.9          | 5  | -2.72%           | 7/9/2025         | 7/16/2025      | 2.5%              |  |
| HDG                 | 25.8    | 28.9         | 26.4       | 12%    | 2%       | 28.9          | 2  | 12.02%           | 7/16/2025        | 7/18/2025      | 1.5%              |  |
| NLG                 | 38.9    | 42.9         | 38.9       | 10%    | 0%       | 42.9          | 10 | 10.28%           | 7/4/2025         | 7/18/2025      | 7.9%              |  |
| BMP                 | 138.1   | 151.8        | 137.8      | 10%    | 0%       | 143.3         | 25 | 3.77%            | 6/25/2025        | 7/30/2025      | 9.2%              |  |
| PDR                 | 20.3    | 23           | 19.6       | 13%    | -3%      | 20.7          | 5  | 1.72%            | 7/23/2025        | 7/30/2025      | -1.3%             |  |
| MSN                 | 77.7    | 84.1         | 74.9       | 8%     | -4%      | 74.9          | 4  | -3.60%           | 7/23/2025        | 7/29/2025      | -1.2%             |  |
| NT2                 | 20      | 21.9         | 19.5       | 10%    | -3%      | 22.8          | 4  | 14.00%           | 7/31/2025        | 8/6/2025       | 3.0%              |  |
| HDG                 | 27.5    | 30           | 26.3       | 9%     | -4%      | 30.8          | 3  | 12.00%           | 8/8/2025         | 8/13/2025      | 1.7%              |  |
| PNJ                 | 86.4    | 95.4         | 83         | 10%    | -4%      | 85.6          | 15 | -0.93%           | 8/8/2025         | 8/29/2025      | 6.0%              |  |
| HPG                 | 26.8    | 29.9         | 26.8       | 12%    | 0%       | 29.9          | 7  | 11.57%           | 8/27/2025        | 9/5/2025       | -0.3%             |  |
| BSI                 | 52.4    | 58.8         | 51.3       | 12%    | -2%      | 51.3          | 8  | -2.10%           | 8/27/2025        | 9/8/2025       | -2.9%             |  |
| VCB                 | 65.5    | 70.4         | 64         | 7%     | -2%      | 64.0          | 3  | -2.29%           | 9/15/2025        | 9/18/2025      | -1.2%             |  |
| IDC                 | 43      | 48.5         | 41.5       | 13%    | -3%      | 41.5          | 4  | -3.49%           | 9/15/2025        | 9/19/2025      | -1.6%             |  |
| HPG                 | 28.8    | 30.9         | 27.6       | 7.3%   | -4.2%    | 27.6          | 6  | -4.17%           | 9/25/2025        | 10/5/2025      | -1.2%             |  |
| MWG                 | 76.3    | 82.8         | 76.3       | 8.5%   | 0.0%     | 83.9          | 15 | 10.0%            | 9/23/2025        | 10/14/2025     | 7.7%              |  |
| VCB                 | 63.7    | 69.9         | 61.1       | 9.7%   | -4.1%    | 63.1          | 4  | -0.94%           | 10/8/2025        | 10/14/2025     | 3.7%              |  |
| CTD                 | 87.1    | 99.9         | 84.9       | 15%    | -3%      | 100.0         | 2  | 14.81%           | 10/28/2025       | 10/30/2025     | -0.7%             |  |
| MWG                 | 81.1    | 88           | 78.3       | 9%     | -3%      | 78.3          | 2  | -3.45%           | 11/5/2025        | 11/7/2025      | -3.4%             |  |
| KDH                 | 35.1    | 37.9         | 33.65      | 8%     | -4%      | 33.7          | 2  | -4.13%           | 11/5/2025        | 11/7/2025      | -3.4%             |  |
| Hiệu quả trung bình |         |              |            |        |          |               | 10 | 3.26%            |                  |                | 1.82%             |  |

## November 2025

| SUNDAY | MONDAY                                 | TUESDAY                                      | WEDNESDAY                                                                                                  | THURSDAY                                                             | FRIDAY                                             | SATURDAY |
|--------|----------------------------------------|----------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|----------|
| 26     | 27                                     | 28                                           | 29                                                                                                         | 30                                                                   | 31                                                 | 1        |
| 2      | 3                                      | 4                                            | 5                                                                                                          | 6                                                                    | 7                                                  | 8        |
|        | Mỹ: Chỉ số PMI Sản xuất ISM (tháng 10) | Mỹ: Số lượng vị trí việc làm JOLTs (tháng 9) | Mỹ: Chỉ số PMI Dịch vụ ISM (tháng 10)                                                                      | Công bố dữ liệu kinh tế tháng 11 và 11 tháng                         | Mỹ: Bảng lương phi nông nghiệp (tháng 10)          |          |
| 9      | 10                                     | 11                                           | 12                                                                                                         | 13                                                                   | 14                                                 | 15       |
|        |                                        |                                              |                                                                                                            | Mỹ: Lạm phát lõi (theo tháng, tháng 10)                              | Mỹ: Chỉ số giá sản xuất PPI (theo tháng, tháng 10) |          |
| 16     | 17                                     | 18                                           | 19                                                                                                         | 20                                                                   | 21                                                 | 22       |
|        |                                        |                                              | Mỹ: Giấy phép xây dựng (tháng 10)                                                                          | _ Hợp đồng tương lai VN30F1M đáo hạn<br>_ Mỹ: Biên bản cuộc họp FOMC |                                                    |          |
| 23     | 24                                     | 25                                           | 26                                                                                                         | 27                                                                   | 28                                                 | 29       |
|        |                                        |                                              | _ Tốc độ tăng trưởng GDP theo quý ước tính lần 2 của Mỹ<br>_ Mỹ: Chỉ số giá PCE lõi (theo tháng, tháng 10) |                                                                      |                                                    |          |

# Mạng lưới Shinhan Investment

## SEOUL

Shinhan Securities Co., Ltd  
Shinhan Investment Tower  
70. Youido-dong. Yongdungpo-gu.  
Seoul. Korea 150-712  
Tel : (82-2) 3772-2700. 2702  
Fax : (82-2) 6671-7573

## NEW YORK

Shinhan Investment America Inc,  
1325 Avenue of the Americas Suite 702.  
New York. NY 10019  
Tel : (1-212) 397-4000  
Fax : (1-212) 397-0032

## HONG KONG

Shinhan Investment Asia Ltd,  
Unit 7705 A. Level 77  
International Commerce Centre  
1 Austin Road West  
Kowloon. Hong Kong  
Tel : (852) 3713-5333  
Fax : (852) 3713-5300

## INDONESIA

PT Shinhan Sekuritas Indonesia  
30th Floor. IFC 2. Jl, Jend, Sudirman Kav,  
22-23. Jakarta. Indonesia  
Tel : (62-21) 5140-1133  
Fax : (62-21) 5140-1599

## SHANGHAI

Shinhan Investment Corp,  
Shanghai Representative Office  
Room 104. Huaneng Union Mansion No,958.  
Luijiazui Ring Road. PuDong. Shanghai. China  
Tel : (86-21) 6888-9135/6  
Fax : (86-21) 6888-9139

## HO CHI MINH

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd,  
18th Floor. The Mett Tower. 15 Tran Bach Dang. Thu Thiem Ward.  
Thu Duc City. Ho Chi Minh City. Vietnam.  
Tel : (84-8) 6299-8000  
Fax : (84-8) 6299-4232

## HA NOI

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd,  
Hanoi Branch  
2nd Floor. Leadvisors Building. No, 41A Ly Thai To.  
Ly Thai To Ward. Hoan Kiem District.  
Hanoi. Vietnam,  
Tel : (84-8) 6299-8000



## Thông báo tuân thủ

- Tôi/chúng tôi, với tư cách là chuyên viên/các chuyên viên chuẩn bị bản báo cáo này, cam kết nội dung trình bày ở trên phản ánh chính xác quan điểm của tôi/chúng tôi về các chủ đề chứng khoán và tổ chức phát hành được thảo luận trong bài nghiên cứu. Hơn nữa, tôi/chúng tôi cũng xác nhận rằng bài báo cáo này được soạn thảo mà không phải chịu bất kỳ áp lực hoặc sự can thiệp bất hợp lý nào từ bên ngoài.
- Bản báo cáo này là tài liệu tham khảo cho đầu tư dựa trên các dữ liệu trong quá khứ, vì thế những biến động giá cổ phiếu trong tương lai có thể khác với các xu hướng đã được hình thành.
- Các dữ liệu này phản ánh chính xác quan điểm của người phụ trách nghiên cứu và phân tích về chứng khoán của doanh nghiệp, nhưng các quan điểm và những ước tính này có thể có sai sót. Vì vậy, việc lựa chọn cổ phiếu và đưa ra quyết định đầu tư cuối cùng nên phụ thuộc vào chính mỗi nhà đầu tư.
- Các dữ liệu nghiên cứu và phân tích chỉ được gửi tới cho khách hàng của chúng tôi, do đó không được phép sao chép, chuyển tiếp, hay gửi lại cho các đơn vị khác trong mọi trường hợp mà chưa được sự cho phép của chúng tôi.

## Miễn trừ trách nhiệm

- Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing dành cho thị trường / chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi Phòng Phân Tích của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiện và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.
- Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình, các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.
- Bản quyền © 2020 của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.